2025 肇喜登峰巡迴賽 - 大戶人家公開賽
2025 CHAU-SHI SERIES - WEALTHY FAMILY OPEN
第二回合編組表
Starting Times for Round 2

地點：大崗山高爾夫球場 TA KANG SHAN GOLF COURSE　上午場 Morning Session　2025 年 10 月 1 日 (星期三) Oct.1,2025

梯台 Tee 1 OUT Course

組別 Group	時間 Time	英文姓名 English name	中文姓名 Chinese name	國籍 Country	R1 Score	+/-
1	6:30	Lai Chia-i	賴嘉一	TWN	73	1
		Kuan-hsun Huang	黃冠勳	TWN	79	7
		Hung Chao-hsin	洪朝鑫	TWN	70	-2
2	6:40	Tsai Chen-kai	蔡辰鍇	TWN	74	2
		Tsai Jui-chieh	蔡瑞杰	TWN	82	10
		Wang Yu-cheng	王于誠	TWN	79	7
3	6:50	Simon Kuo	郭時雨	TWN	77	5
		Shih Chun Yu	施俊宇	TWN	73	1
		Liu Kuan-liang (a)	劉冠良a	TWN	95	23
4	7:00	Yao-wei Wu	巫耀微	TWN	75	3
		Chan Chia-han	詹佳翰	TWN	69	-3
		Chen Chin-hao	陳勁豪	TWN	76	4
5	7:10	Chen Chieh-sheng	陳傑生	TWN	70	-2
		Tse Sen Liu	劉澤森	TWN	75	3
		Yu-tang Hu (a)	胡宇棠a	TWN	77	5
6	7:20	Jui-shen Lee	李睿紳	TWN	74	2
		Chen Ting-yu	陳霆宇	TWN	70	-2
		Hung Hsin-che (a)	洪信喆a	TWN	94	22
7	7:30	Hsu Chih-kai	許智凱	TWN	74	2
		Wang Sheng-hui	王勝暉	TWN	72	E
		Kuo, Chieh Lun (a)	郭杰倫a	TWN	78	6
8	7:40	Tony Lee	李政遠	TWN	79	7
		Lee Wei-lin	李威霖	TWN	76	4
		Huang Zhen-wu (a)	黃振伍a	TWN	94	22
9	7:50	Chen Kuo-jung	陳國俊	TWN	83	11
		Hanson Cheng	鄭賀升	TWN	83	11
		Zeng Si-en (a)	曾偲恩a	TWN	76	4

梯台 Tee 10 IN Course

組別 Group	時間 Time	英文姓名 English name	中文姓名 Chinese name	國籍 Country	R1 Score	+/-
10	6:35	Chang Yu-chien	張佑健	TWN	76	4
		Chen Shou-cheng	陳守成	TWN	77	5
		Huang Chih Yi	黃至翊	TWN	77	5
11	6:45	Wang Hsi-an	王璽安	TWN	75	3
		Tseng Tzu-hao	曾子豪	TWN	71	-1
		Yu-chia Chiu	邱昱嘉	TWN	80	8
12	6:55	Lin Yuan Wei	林遠惟	TWN	75	3
		Wei-sheng Chen	陳威勝	TWN	78	6
		Chen you-xiang	陳祐翔	TWN	83	11
13	7:05	Shapiyate Mako	沙比亞特·馬克	TWN	69	-3
		Huang Yi-tseng	黃議增	TWN	76	4
		Tsai Kai-jen	蔡凱任	TWN	66	-6
14	7:15	Ho Yu-cheng	何祐誠	TWN	68	-4
		Chin-hung He	何勁宏	TWN	72	E
		Nobuhiko Wakaari	若有 宣彦	JPN	72	E
15	7:25	Lin Yung-lung	林永龍	TWN	68	-4
		Liu Yu-jui	劉又睿	TWN	70	-2
		Ryo Noro	野呂 涼	JPN	72	E
16	7:35	Su Ching-hung	蘇晉弘	TWN	72	E
		Shunichiro Morioka	森岡 俊一郎	JPN	68	-4
		Hsieh Chi-hsien	謝繼賢	TWN	77	5
17	7:45	Lu Sun-yi	呂孫儀	TWN	76	4
		Tsai Tsung-yu	蔡宗佑	TWN	69	-3
		Lee Jen-fu (a)	李壬甫a	TWN	77	5
18	7:55	Chuan-wei Fang	方傳崴	TWN	70	-2
		Lien Lu-sen	連驢森	TWN	73	1
		Su Chi (a)	蘇　頎a	TWN	74	2
19	8:05	Anson Pan	潘繹凱	TWN	76	4
		Tsai Chin-yang	蔡勁暘	TWN	73	1
		Yang Hao-cyuan (a)	楊皓全a	TWN	81	9

2025 肇喜登峰巡迴賽 - 大戶人家公開賽
2025 CHAU-SHI SERIES - WEALTHY FAMILY OPEN
第二回合編組表
Starting Times for Round 2

地點：大崗山高爾夫球場 TA KANG SHAN GOLF COURSE　下午場 Afternoon Session　2025 年 10 月 1 日 (星期三) Oct.1,2025

梯台 Tee 1 OUT Course

組別 Group	時間 Time	英文姓名 English name	中文姓名 Chinese name	國籍 Country	R1 Score	+/-
20	11:05	Chen Yu-yu	陳佑宇	TWN	73	1
		Lin Ming-yeh	林明業	TWN	77	5
		Lo Cheng-yuan	羅政元	TWN	73	1
21	11:15	Lin Yi-Yuan	林義淵	TWN	74	2
		Ke-yi Chen	陳科壹	TWN	81	9
		Kevin Chen	陳乃嘉	TWN	89	17
22	11:25	Yeh Yu-chen	葉昱辰	TWN	72	E
		Yasuo Sawasaki	澤崎 安雄	JPN	74	2
		Chen Yi-tong	陳裔東	TWN	66	-6
23	11:35	Ko-yen Chang Chien	張簡克諺	TWN	69	-3
		Tseng Fu-tung	曾豐棟	TWN	70	-2
		Lee Chao-hua	李昭樺	TWN	79	7
24	11:45	Kao Teng	高　藤	TWN	70	-2
		Shen Wei-cheng	沈威成	TWN	72	E
25	11:55	Lin Keng-wei	林耕緯	TWN	73	1
		Hung Jui-cheng	洪瑞誠	TWN	73	1
		Tsai Yuen-ting (a)	蔡岳廷a	TWN	77	5
26	12:05	Ta-yu Lin	林大銪	TWN	73	1
		Tom Lee	李　曈	TWN	76	4
		Li Ming-wei (a)	李名瑋a	TWN	80	8
27	12:15	Wen Cheng Hsiang	温楨祥	TWN	69	-3
		Yeh Chia-yin	葉佳胤	TWN	72	E
		Hsuan-wei Lu (a)	呂軒緯a	TWN	79	7
28	12:25	Ian Peng	彭　雄	TWN	70	-2
		Xin Wen	温　新	TWN	80	8
		Chen Wei-shang (a)	陳偉尚a	TWN	96	24

梯台 Tee 10 IN Course

組別 Group	時間 Time	英文姓名 English name	中文姓名 Chinese name	國籍 Country	R1 Score	+/-
29	11:00	Wu Chih-yi	吳致誼	TWN	72	E
		Lin Chen-chu	林宸駒	TWN	71	-1
		Hsu Yu-cheng	許育誠	TWN	67	-5
30	11:10	Wang Li-wei	王力偉	TWN	80	8
		Lee Chin-chou	李謹州	TWN	73	1
		Akinori Morii	森井 晶紀	JPN	75	3
31	11:20	Yu-Cheng Chang	張宇誠	TWN	74	2
		Yang Hao	楊　豪	TWN	72	E
		Chen Yu-chen	陳宥蓁	TWN	75	3
32	11:30	Daniel Core	丹尼爾·科爾	CAN	86	14
		Hsu Wei-chen	許維宸	TWN	76	4
		Lee Tung-chao	李東晁	TWN	85	13
33	11:40	Chiang Ian	江以安	TWN	79	7
		Yang Hsiao-che	楊孝哲	TWN	73	1
		Yuan-fu Shen (a)	沈元富a	TWN	79	7
34	11:50	Shinichi Mizuno	水野 眞惟智	JPN	72	E
		Jerry Yang	楊斐皓	TWN	77	5
		Chang Wei Lin	張維霖	TWN	77	5
35	12:00	Hui-hung Chen	陳暉泓	TWN	79	7
		Worrasorn Suwanpanang	沃拉松·蘇萬帕南	THA	74	2
		Feng Chi-mou (a)	酆圻謀a	TWN	75	3
36	12:10	Huang Hsiang-hao	黃祥豪	TWN	73	1
		Su Yen Wei	蘇彥瑋	TWN	71	-1
		Shang Kai-cheng (a)	商凱程a	TWN	72	E
37	12:20	Chiu Han-Ting	邱瀚霆	TWN	71	-1
		Lin Wei-jie	林煒傑	TWN	74	2
		Hew Yan Siang (a)	邱延祥a	MAS	76	4